

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **8243** /BTC-CTHà Nội, ngày **12** tháng **6** năm 2025

V/v đề nghị góp ý đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

Kính gửi:



- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ban hành Chương trình công tác năm 2025 kèm theo Danh mục đề án của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 về việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với Dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu và có ý kiến góp ý đối với nội dung Dự thảo Nghị định nêu trên và Tờ trình Nghị định (gửi kèm).

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tài chính (Cục Thuế) trước ngày **23/6/2025** (riêng bản word xin gửi về đầu mối liên hệ: bà Phạm Thanh Loan, Địa chỉ email: ptloan@gdt.gov.vn) để Bộ Tài chính kịp thời tổng hợp, hoàn thiện Hồ sơ.

Trân trọng sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng website);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng website);
- Vụ PC – BTC;
- Lưu: VT, CT (VT,PC).

(6b)**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG****Lê Tấn Cận**

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 03 (Ngày 11/6/2025)

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP
ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành
chính về thuế, hóa đơn**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày ... tháng... năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi do tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác (tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; các khoản thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP) mà

không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.”

2. Bổ sung điểm a khoản 1 Điều 3 như sau:

“a) Người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nghĩa vụ về thuế mà pháp luật về thuế, quản lý thuế quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của bên được ủy quyền phải thực hiện thay người nộp thuế thì nếu bên được ủy quyền có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân được ủy quyền bị xử phạt theo Nghị định này.

Trường hợp theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay người nộp thuế mà tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia được tập đoàn đa quốc gia chỉ định thực hiện đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay hoặc đơn vị hợp thành được cơ quan thuế chỉ định thực hiện đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay nếu đơn vị hợp thành có hành vi vi phạm hành chính tại Nghị định này thì đơn vị hợp thành được chỉ định bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.”

3. Sửa đổi điểm a, b, c khoản 3; bổ sung điểm đ, điểm e, điểm g vào khoản 3; sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi điểm a, b, c khoản 3 như sau:

“a) Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế khai sai một hoặc nhiều chỉ tiêu trên các hồ sơ thuế thì hành vi khai sai thuộc trường hợp xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần;

b) Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của cùng một sắc thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

Trường hợp trong số hồ sơ khai thuế chậm nộp có hồ sơ khai thuế chậm nộp thuộc trường hợp trốn thuế thì tách riêng để xử phạt về hành vi trốn thuế;

c) Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế chậm nộp nhiều thông báo, báo cáo cùng loại về hóa đơn thì người nộp thuế bị xử phạt về một hành vi chậm nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần;”

b) Bổ sung điểm đ, điểm e, điểm g vào khoản 3 như sau:

“đ) Trường hợp cùng một ngày cơ quan thuế hoặc cơ quan chức năng khác phát hiện người nộp thuế thực hiện hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với nhiều hóa đơn thì chỉ bị xử phạt về một hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm có khung tiền phạt tương ứng với số lượng hóa đơn đã lập không đúng thời điểm theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

e) Trường hợp cùng một ngày cơ quan thuế hoặc cơ quan chức năng khác phát hiện người nộp thuế thực hiện hành vi không lập hóa đơn đối với nhiều hóa đơn thì chỉ bị xử phạt về một hành vi không lập hóa đơn tương ứng với số lượng hóa đơn không lập theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

g) Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế khai sai nhiều chỉ tiêu trên một hồ sơ thuế thì hành vi khai sai thuộc trường hợp xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền

a) Nguyên tắc xác định mức phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.

c) Mức phạt tiền quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, khoản 1, 2 Điều 19 và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức.

Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, hộ kinh doanh áp dụng mức phạt tiền như đối với cá nhân.

d) Khi xác định mức phạt tiền đối với người nộp thuế vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng.

đ) Các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng đã được sử dụng để xác định khung tiền phạt thì không được sử dụng khi xác định số tiền phạt cụ thể theo điểm e khoản này.

e) Khi phạt tiền, mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn và hành vi tại Điều 19 Nghị định này là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Nếu có một tình tiết giảm nhẹ thì được giảm 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt; nếu có một tình tiết tăng nặng thì được tính tăng 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Vi phạm hành chính với số tiền thuế (số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn cao hơn) từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Một hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn với số lượng từ 10 số hóa đơn trở lên đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều 22, Khoản 2, khoản 3 Điều 24, Điều 26 Nghị định này thì được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 1; bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 1 như sau:

“c) Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn đang được thực hiện là các hành vi quy định tại khoản 3 Điều 24; điểm b khoản 3 Điều 25; điểm b khoản 2 và điểm b, d khoản 3 Điều 27; điểm b khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 3 Điều 30 Nghị định này.

d) Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này là hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện hành vi vi phạm đó.

Đối với hành vi mất, cháy, hỏng hóa đơn nếu không xác định được ngày mất, cháy, hỏng hóa đơn thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện hóa đơn bị mất, cháy, hỏng.

Đối với hành vi vi phạm về thời hạn thông báo, báo cáo về hóa đơn quy định tại khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 25; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều 29 Nghị định này thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày người nộp thuế nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn.”

b) Bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.

Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thủ tục thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, trừ các trường hợp sau đây:

Đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm a, b, d khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 10; khoản 1, 2, 3, 4 và điểm a khoản 5 Điều 11; khoản 1, 2, 3 và điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 13 Nghị định này, ngày thực hiện hành vi vi phạm để tính thời hiệu là ngày người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế hoặc thông báo với cơ quan thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế.

Đối với hành vi quy định tại điểm c, đ khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 10; điểm b khoản 5 Điều 11; điểm c, d khoản 4 Điều 13 Nghị định này, ngày thực hiện hành vi vi phạm để tính thời hiệu là ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với trường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện.”

7. Sửa đổi tên Điều 10; bổ sung điểm d, điểm đ vào khoản 2, khoản 5 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 10 như sau:

“Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh; thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn; thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 của Quốc hội”

b) Bổ sung điểm d, điểm đ vào khoản 2 như sau:

“d) Thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội quá thời hạn quy định.

đ) Không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội.”

c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày

29/11/2023 của Quốc hội đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau:

“6. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp sau đây:

a) Cá nhân không kinh doanh đã được cấp mã số thuế thu nhập cá nhân chậm thay đổi thông tin khi được cấp thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước;

b) Cơ quan chi trả thu nhập chậm thông báo thay đổi thông tin khi người nộp thuế thu nhập cá nhân là các cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân được cấp thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước;

c) Không thông báo hoặc thông báo thay đổi thông tin trên hồ sơ đăng ký thuế về địa chỉ người nộp thuế quá thời hạn quy định do thay đổi địa giới hành chính theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Nghị quyết của Quốc hội.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 5; sửa đổi điểm a khoản 6 Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn trên 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định thanh tra, kiểm tra hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 143 Luật Quản lý thuế.

Trường hợp số tiền phạt nếu áp dụng theo khoản này lớn hơn số tiền thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì số tiền phạt tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế hoặc tổng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên các hồ sơ khai thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này nhưng không thấp hơn mức trung bình của khung phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều này. ”

b) Sửa đổi điểm a khoản 6 như sau:

“a) Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế;”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với tổ chức, cá nhân liên quan

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của

người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày trở lên.

2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính thuế, trừ hành vi không trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế quy định tại Điều 18 Nghị định này;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến tài sản, quyền, nghĩa vụ về tài sản của người nộp thuế do mình nắm giữ; tài khoản của người nộp thuế tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin về tiền lương hoặc thu nhập của người nộp thuế do mình nắm giữ;

Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cung cấp thông tin đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.”

11. Sửa đổi khoản 2 Điều 22 như sau:

“2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật bị xử phạt như sau:

a. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 01 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn.

b. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 10 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp

luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 01 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn.

c. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 10 số hóa đơn đến dưới 20 số hóa đơn.

d. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 100 số hóa đơn trở lên và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 20 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn.

đ. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn.

e. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 100 số hóa đơn trở lên..”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Hành vi không lập hóa đơn theo quy định bị xử phạt như sau:

a. Phạt tiền từ 1.000.000 đến 2.000.000 trong trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 01 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn.

b. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 10 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn và

trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 01 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn.

c. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 10 số hóa đơn đến dưới 20 số hóa đơn.

d. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 100 số hóa đơn trở lên và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 20 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn.

đ. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 50 số hóa đơn trở lên.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc lập hóa đơn theo quy định đối với hành vi quy định tại khoản 3, điểm d khoản 4 Điều này”.

13. Sửa đổi tên Điều 25 như sau:

“Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn hoặc hóa đơn đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập”

14. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 26 như sau:

“a) Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập;”

15. Sửa đổi Điều 27 như sau:

“Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tiêu hủy hóa đơn

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 01 đến 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn phải tiêu hủy hóa đơn theo quy định mà có tình tiết giảm nhẹ.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tiêu hủy không đúng quy định hóa đơn đặt in mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng, không còn giá trị sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

b) Không tiêu hủy các hóa đơn đặt in mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng, không còn giá trị sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế;

c) Tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 01 ngày đến 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn phải tiêu hủy hóa đơn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 11 ngày làm việc trở lên, kể từ ngày hết thời hạn phải tiêu hủy hóa đơn theo quy định;

b) Không tiêu hủy hóa đơn theo quy định của pháp luật;

c) Tiêu hủy hóa đơn không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

d) Tiêu hủy hóa đơn không đúng các trường hợp phải tiêu hủy theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy hóa đơn đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ hóa đơn

Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi cung cấp giải pháp trong việc khởi tạo, kết nối nhận, truyền, nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu của hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn.”

17. Bổ sung điểm b vào khoản 1; sửa đổi, bổ sung tên khoản 3, tên khoản 4 và tên khoản 5 Điều 32 như sau:

a) Bổ sung điểm b vào khoản 1 như sau:

“1. Công chức Thuế đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này.”

b) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 3 như sau:

“3. Đội trưởng Đội thuế có quyền:”

c) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 4 như sau:

“4. Chi cục trưởng Chi cục Thuế có quyền:”

đ) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 5 như sau:

“5. Cục trưởng Cục Thuế có quyền:”

18. Sửa đổi tên khoản 1 Điều 33 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:”

19. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 36 như sau:

“b) Lập biên bản vi phạm hành chính điện tử

Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế, chậm nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn bằng phương thức điện tử thì trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế điện tử hoặc thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử, cơ quan thuế lập và gửi 01 biên bản vi phạm hành chính điện tử cho người nộp thuế qua cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, kể cả trường hợp người nộp thuế nộp nhiều hồ sơ thuế.

Biên bản vi phạm hành chính điện tử được lập và gửi đáp ứng yêu cầu về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế là cơ sở để cơ quan thuế ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Biên bản vi phạm hành chính điện tử phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; chữ ký số của người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, mã số thuế, số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ, mã số thuế của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm thực hiện vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình. Biên bản vi phạm hành chính điện tử không bắt buộc phải có chữ ký của tổ chức, cá nhân vi phạm.

Cơ quan thuế có trách nhiệm xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc lập và gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử. Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện lập, gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử đối với các hành vi vi phạm về thủ tục thuế, hóa đơn khác, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập và gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử.”

20. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 1 Điều 37 như sau:

“a) Hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức hoặc các trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính điện tử;

b) Hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 16, 17, 18 Nghị định này.”

21. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 41 như sau:

“a) Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc quyết định của tòa án tuyên bố một người là đã chết, mất tích (bản chính hoặc bản sao theo quy định) đối với trường hợp cá nhân chết, mất tích;”

Điều 2. Bãi bỏ một số cụm từ, Điều, điểm, khoản thuộc Điều và một số biểu mẫu của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

1. Thay thế cụm từ “thanh tra thuế” bằng cụm từ “thanh tra” tại tên Điều 15, điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 29 của Nghị định 125/2020/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 16; Điều 20; Điều 21; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 22; Điều 23; điểm a khoản 1, điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 24; khoản 2 Điều 28; khoản 2, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4, điểm d khoản 5 Điều 32; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 33; Điều 34; khoản 2 Điều 35 của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

3. Bãi bỏ các mẫu biên bản và mẫu quyết định trừ mẫu biên bản 01A/BB tại Phụ lục một số biểu mẫu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn ban hành kèm theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP. Mẫu biên bản và mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn thực hiện theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà có thể bổ sung thêm dòng, chỉ tiêu đảm bảo phản ánh đủ các thông tin về đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, các nội dung hành vi vi phạm, các biện pháp khắc phục hậu quả trong quá trình lập biên bản và ra quyết định xử phạt nhưng bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm đó.

2. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng hành vi vi phạm đó kết thúc kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm đó.

3. Đối với các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã bị xử phạt trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo ...

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 16/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (sau đây gọi là dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương đề ra định hướng quan trọng về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đến nay tổ chức bộ máy cơ quan thuế các cấp đã được sắp xếp tinh gọn theo Quyết định số 318/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh những mục tiêu quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam 10 năm 2021-2030. Cụ thể, tại mục V về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, không chỉ tập trung vào cải cách hành chính mà còn nhấn mạnh việc xây dựng một hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ để tạo ra môi trường phát triển bền vững cho đất nước: "*Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng được hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, có sức cạnh tranh quốc tế lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân là trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới.*" (điểm 10).

- Ngày 16/01/2025, Chính phủ đã có Quyết định số 150/QĐ-TTg ban hành Chương trình công tác năm 2025 kèm theo Danh mục đề án các các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020

của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế theo đó tại Chương XV Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết các Điều 138 (hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả); Điều 139 (thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế); Điều 140 (Miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế); Điều 141 (Hành vi vi phạm về thủ tục thuế); Điều 146 (Xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế).

Đồng thời, tại Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013 giao Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể đối với từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 để phù hợp với Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và ngày 23/12/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 118/2021/NĐ-CP thay thế Nghị định số 81/2013/NĐ-CP. Ngày 18/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (có hiệu lực thi hành từ ngày 02/5/2025).

- Ngày.... Quốc hội đã ban hành Luật số....2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực kể từ ngày ... tháng... năm 2025.

Theo đó, các quy định về hành vi vi phạm hành chính, thủ tục xử phạt vi phạm, mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính đã có sự thay đổi so với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Nghị định số 97/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngay sau khi Nghị định số 125/2020/NĐ-CP được ban hành, Bộ Tài chính đã quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các nội dung của Nghị định cho toàn thể

cán bộ, công chức ngành thuế, ngành tài chính cũng như đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật đến người nộp thuế nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Sau hơn 03 năm thực hiện, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP đã tạo khung pháp lý rõ ràng, phù hợp để công chức thuế thực thi việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Nghị định số 125/2020/NĐ-CP cũng đã phát sinh một số vấn đề cần xử lý như:

- Nghị định số 125/2020/NĐ-CP được xây dựng đồng thời với Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP, những quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử chính thức có hiệu lực từ 1/7/2022 nên trong giai đoạn từ 05/12/2020 (*ngày có hiệu lực của Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Nghị định 125/2020/NĐ-CP*) đến 1/7/2022, các quy định về hóa đơn giấy vẫn có hiệu lực thi hành. Do đó, tại Nghị định 125/2020/NĐ-CP vẫn phải quy định những hành vi vi phạm và hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm đối với hóa đơn giấy. Và đến nay, hầu hết các hành vi vi phạm hành chính đối với hóa đơn giấy đã không còn phát sinh trên thực tế.

- Việc áp dụng hóa đơn điện tử bắt buộc từ ngày 1/7/2022, đồng thời Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) đã phát sinh một số hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn điện tử nhưng chưa được quy định là hành vi vi phạm hành chính tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

- Theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính và hướng dẫn tại Quyết định số 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ thì cần bỏ thủ tục "*thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích*" quy định tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 (Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2025) và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 02/5/2025). Theo đó, các quy định về nghĩa vụ của người nộp thuế khi sử dụng hóa đơn điện tử tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và các quy định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính, trình tự, thủ tục xử phạt tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP có sự thay đổi. Do đó, cần thiết phải có sự điều chỉnh, sửa đổi tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP để đảm bảo sự phù hợp và thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế

toàn cầu đã quy định một số hành vi đặc thù liên quan đến tập đoàn đa quốc gia khi chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam. Do đó, cần thiết phải có sự bổ sung tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP để đảm bảo có chế tài xử phạt khi người nộp thuế không thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

Thực hiện chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, từ những căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, để đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định hướng dẫn thi hành, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, để đảm bảo việc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc khai thác sử dụng thông tin công dân đã sẵn có trong CSDL quốc gia về dân cư, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế và đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc xử phạt vi phạm hành chính thuế và hóa đơn trong tình hình đổi mới thì việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích xây dựng Nghị định

- Nâng cao ý thức tuân thủ và tự giác chấp hành pháp luật về thuế, quản lý thuế của người nộp thuế, cán bộ thuế, cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hành chính thuế nhằm chống thất thu, giảm nợ thuế, thu đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong xử lý vi phạm hành chính nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, thống nhất, công bằng trong áp dụng pháp luật; đảm bảo đồng bộ trong nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

- Nhằm quy định xử lý những hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn điện tử; giải quyết những tồn tại, hạn chế bất cập của các quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hiện hành còn vướng mắc.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP bị tác động bởi sắp xếp, tổ chức bộ máy, bảo đảm hệ thống các cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hoạt động liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính thống nhất đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và góp phần đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong thời kỳ đổi mới - kỷ nguyên vươn mình của đất nước.

- Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định bị tác động bởi việc sắp xếp, tổ chức bộ máy ở Trung ương và địa phương, giải quyết những vướng mắc, bất cập cơ bản cần thiết phải tháo gỡ trong thực tiễn xử lý vi phạm hành chính

trong thời gian qua.

- Đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất giữa quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Phù hợp với tình hình thực tế, chủ trương cải cách thủ tục hành chính và tính khả thi khi triển khai thực hiện.

- Đảm bảo minh bạch, tạo thuận lợi cho người nộp thuế; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, giảm bớt chi phí tuân thủ cho người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Kế thừa các quy định phù hợp với tình hình thực tiễn tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

- Bổ sung nội dung về khoản thu là đối tượng xử phạt, một số trường hợp được loại trừ theo nguyên tắc về gom hành vi, điều khoản chuyển tiếp trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định sửa đổi, bổ sung 06 nội dung:

Nội dung 1: Nguyên tắc chung về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

- Sửa đổi, bổ sung một số trường hợp loại trừ khi áp dụng nguyên tắc “tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm” tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định về nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Bổ sung các quy định về nguyên tắc xử phạt VPHC đối với nhóm hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm, nhóm hành vi không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc về xác định mức phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đảm bảo thống nhất với các nguyên tắc quy định tại pháp luật xử phạt vi phạm hành chính.

- Bổ sung các quy định hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính khi thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn.

- Bãi bỏ quy định về mức phạt tiền tối đa quy định tại Điều 7 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP vì nội dung này đã được quy định chi tiết tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. Sửa đổi các biện pháp khắc phục hậu quả tại Khoản 3 Điều 7

Nghị định 125/2020/NĐ-CP liên quan đến hóa đơn để phù hợp với hình thức hóa đơn điện tử hiện nay.

Nội dung 2: Hành vi vi phạm hành chính về thuế

- Bổ sung hành vi vi phạm hành chính về việc chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam của tập đoàn đa quốc gia theo quy định tại Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

- Sửa đổi, bổ sung các hành vi khai sai, trốn thuế tại Điều 16, 17 Nghị định 125/2020/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế cũng như Luật Quản lý thuế năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024.

Nội dung 3: Hành vi vi phạm hành chính về thuế đối với ngân hàng thương mại và tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Bổ sung các hành vi vi phạm hành chính đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật hoặc các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thương mại điện tử mới phát sinh trong giai đoạn hiện nay.

Nội dung 4: Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn

- Bãi bỏ các hành vi vi phạm hành chính tại Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 Nghị định 125/2020/NĐ-CP liên quan đến hóa đơn đặt in, hoạt động phát hành hóa đơn, trình tự lập hóa đơn giấy do các hành vi này không còn tồn tại trên thực tế sau khi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP có hiệu lực pháp luật ngày 1/7/2022.

- Sửa đổi, bổ sung các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến hóa đơn điện tử để phù hợp với quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP).

- Sửa đổi các quy định về tiêu hủy hóa đơn, hành vi mất, cháy, hỏng hóa đơn, thông báo, báo cáo về hóa đơn quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 29 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP để phù hợp với hình thức hóa đơn điện tử đang được áp dụng hiện nay.

- Bãi bỏ biện pháp khắc phục hậu quả là buộc hủy hóa đơn tại Điều 22 và Điều 28 do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) đã không còn quy định về biện pháp hủy hóa đơn.

Nội dung 5: Thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

- Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của công chức thuế, cơ quan thuế, UBND, thanh tra viên,

trường đoàn thanh tra để đảm bảo theo các quy định về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong giai đoạn tới.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tại Điều 36 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP).

- Sửa đổi quy định liên quan đến giấy chứng từ, giấy báo từ của cá nhân theo quy định pháp luật về hộ tịch tại Điều 41 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ và hướng dẫn tại Quyết định số 933/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc bỏ thủ tục “thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích” quy định tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ra khỏi danh mục thủ tục hành chính.

2. Đối tượng áp dụng

Kiến nghị giữ nguyên đối tượng áp dụng như quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP. Cụ thể bao gồm: Người nộp thuế; Công chức thuế, cơ quan thuế các cấp; Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế, hóa đơn.

V. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Tiến hành đánh giá việc thi hành và tổng hợp các vấn đề hạn chế, vướng mắc trong quá trình thi hành Nghị định số 125/2020/NĐ-CP của các cơ quan thuế (Báo cáo sơ kết 03 năm thi hành Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong toàn ngành Thuế).

2. Thực hiện quy định của Luật ban hành VBQPPL và chương trình công tác năm 2025 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Dự thảo đã được gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, tổ chức liên quan, đăng dự thảo trên trang thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến các tổ chức và cá nhân theo quy trình (công văn số /BTC-CT ngày / /2025).

3. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia, Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ Nghị định và có công văn số /BTC-CT ngày / /2025 gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về hồ sơ Nghị định.

4. Ngày / /2025, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2020/NĐ-CP. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định và có Báo cáo tiếp thu, giải trình

ý kiến thẩm định số /BC-BTC ngày / /2025 (Báo cáo kèm theo).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị định được bố cục gồm 04 Điều:

- **Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

- **Điều 2.** Bãi bỏ một số cụm từ, Điều, điểm, khoản thuộc Điều và một số biểu mẫu của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

- **Điều 3.** Điều khoản chuyển tiếp.

- **Điều 4.** Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung nội dung của 21/47 điều (trong đó sửa đổi, bổ sung 16/47 điều, sửa kỹ thuật 5/47 điều (ngoài các điều sửa đổi, bổ sung), bãi bỏ 11/47 điều của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP (bao gồm cả các điều khoản được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

2.1. Những nội dung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện

Qua rà soát có 21¹/47 Điều cần sửa đổi, bổ sung nhằm giải quyết vướng mắc phát sinh từ thực tiễn; đảm bảo đồng bộ, thống nhất với pháp luật liên quan; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế:

- Bổ sung khoản thu là đối tượng xử phạt vi phạm hành chính tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 57/2022/TT-BTC. Theo đó, các văn bản QPPL này giao cơ quan thuế là cơ quan thực hiện thu và xử lý vi phạm hành chính theo Luật Quản lý thuế đối với các khoản thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn Nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

- Bổ sung một số trường hợp được loại trừ theo nguyên tắc “tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi VPHC thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm” tại Khoản 3 Điều 5 đối với các nhóm hành vi liên quan đến vi phạm về hóa đơn như lập hóa đơn sai thời điểm, không lập hóa đơn theo quy định thì trường hợp trong cùng một ngày, cơ quan thuế hoặc cơ quan chức năng khác phát hiện NNT thực hiện hành vi VPHC về hóa đơn đối với nhiều hóa đơn thì chỉ bị xử phạt về một hành vi tương ứng với số lượng hóa đơn đã vi phạm và áp dụng tình tiết tăng

¹ Điều 2,3,5,6,8,9,10,11,13,19,22,24,25,26,27,31,32,33,36,37,41

nặng vi phạm hành chính nhiều lần. Đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định về xác định khung tiền phạt đối với các hành vi phạm hành chính về hóa đơn như lập hóa đơn sai thời điểm, không lập hóa đơn tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 Nghị định này để đảm bảo thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Khoản 3 Điều 5 đã được sửa đổi, bổ sung.

- Sửa đổi một số cụm từ, một số cách diễn đạt chưa rõ ràng, chưa cụ thể tại Nghị định 125/2020/NĐ-CP đã dẫn đến vướng mắc trong áp dụng quy định pháp luật của công chức thuế như cụm từ “cùng một thời điểm” thành “cùng một ngày” hoặc “số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế” thành “số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế hoặc tổng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên các hồ sơ khai thuế”. Sửa đổi cụm từ “chứng minh thư nhân dân” thành “căn cước công dân” hoặc “căn cước” để đảm bảo theo đúng quy định tại Luật Căn cước năm 2023. Sửa đổi cụm từ “thanh tra thuế” thành “thanh tra” để đảm bảo theo quy định về cơ cấu, tổ chức bộ máy hành chính của ngành thuế không còn chức năng thanh tra và chức năng thanh tra sẽ do cơ quan có thẩm quyền khác đảm nhiệm.

- Sửa đổi, bổ sung hành vi VPHC của nhà cung cấp giải pháp trong việc khởi tạo, kết nối nhận, truyền, nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu của hóa đơn điện tử nhằm đảm bảo nhà cung cấp giải pháp thực hiện đúng nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn, tránh dẫn đến làm sai lệch dữ liệu hóa đơn điện tử của người nộp thuế, sai lệch doanh thu tương ứng với các hóa đơn điện tử này.

- Sửa đổi các chức danh của người có thẩm quyền xử phạt là thủ trưởng cơ quan thuế để đảm bảo theo đúng cơ cấu, tổ chức bộ máy hành chính của ngành thuế hiện nay.

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về trình tự, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản vi phạm hành chính điện tử, giải trình vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn để đảm bảo theo đúng các quy định về trình tự, thủ tục khi xử phạt vi phạm hành chính tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP).

2.2. Những nội dung lược bỏ

Bãi bỏ Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 16; Điều 20; Điều 21; khoản 1 Điều 22; Điều 23; điểm a khoản 1, điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 24; khoản 2, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4, điểm d khoản 5 Điều 32; điểm c khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 33; Điều 34; khoản 2 Điều 35 của Nghị định số 125/2020/NĐ-CP; Bãi bỏ các mẫu biên bản và mẫu quyết định trừ mẫu biên bản 01A/BB tại Phụ lục một số biểu mẫu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn ban hành kèm theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP. Mẫu biên bản và mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn thực hiện theo quy định của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà có thể bổ sung

thêm dòng, chỉ tiêu đảm bảo phản ánh đủ các thông tin về đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, các nội dung hành vi vi phạm, các biện pháp khắc phục hậu quả trong quá trình lập biên bản và ra quyết định xử phạt nhưng bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc lược bỏ các nội dung trên nhằm phù hợp với quy định tại Luật số 56/2025/QH15; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP khi một số hành vi không còn tồn tại (không quy định cho phép NNT đặt in hóa đơn, không quy định cho hoạt động in hóa đơn nên không còn hành vi vi phạm về hoạt động in hóa đơn đặt in trong thực tế, không quy định loại hóa đơn đặt in nên không còn hành vi vi phạm về loại hóa đơn đặt in trong thực tế, không còn các quy định về người sử dụng hóa đơn phải phát hành hóa đơn, không còn hoạt động hủy hóa đơn ...); Bãi bỏ thẩm quyền xử phạt VPHC của chức danh Đội trưởng Đội thuế trước đây, bãi bỏ các thẩm quyền xử phạt của chức danh Thanh tra viên, Chánh thanh tra Sở Tài chính, Chánh thanh tra Bộ Tài chính, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành để phù hợp thay đổi cơ cấu bộ máy nhà nước đáp ứng yêu cầu của tình hình mới trong bối cảnh thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước khi ngành thuế nói riêng và ngành Tài chính nói chung không còn chức năng thanh tra.

Ngoài ra, bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 16 do hành vi “người nộp thuế đã tự giác kê khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế kết thúc thời hạn thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế” đã không còn trên thực tế do quy định này đã bị bãi bỏ tại Điều 47 Luật Quản lý thuế năm 2019 bởi Luật số 56/2024/QH15 có hiệu lực từ 01/01/2025.

2.3. Những nội dung bổ sung

- Bổ sung thêm hành vi vi phạm hành chính và chế tài xử phạt đối với đơn vị hợp thành trong trường hợp Tập đoàn đa quốc gia có nhiều đơn vị hợp thành không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn việc chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội để đảm bảo tính răn đe đối với đối tượng là tập đoàn đa quốc gia khi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

- Bổ sung thêm đối tượng là tổ chức, cá nhân có liên quan bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế là “chi nhánh ngân hàng nước ngoài” và bổ sung các hành vi như không cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế của một số tổ chức, cá nhân có liên quan như các ngân hàng thương mại, sàn thương mại điện tử, các đơn vị vận chuyển... liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh thương mại điện tử đang phát triển hiện nay.

2.4. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung không làm phát sinh thay đổi về thủ tục hành chính.

2.5. Những nội dung phân cấp, phân quyền

Dự thảo Nghị định sửa đổi chức danh của người có thẩm quyền xử phạt là chủ tịch UBND cấp huyện thành chủ tịch UBND cấp xã nhằm mục đích triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp về đẩy mạnh phân quyền và phân cấp theo chỉ đạo của Chính phủ.

VI. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tại dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính thuế, hóa đơn đã quy định một số thủ tục như: (1) Nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; (2) Miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; (4) Giải trình vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Các thủ tục này nhằm bảo vệ quyền lợi của người nộp thuế, giúp tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế, ổn định sản xuất kinh doanh và đã được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn, không phát sinh thủ tục mới, cơ quan thuế không đặt ra trình tự, cách thức, hồ sơ và yêu cầu điều kiện để giải quyết công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức như yêu cầu về thủ tục hành chính.

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính thì Nghị định về kiểm soát thủ tục hành chính *không điều chỉnh thủ tục hành chính* trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; *Thủ tục xử lý vi phạm hành chính*; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước. Do đó, dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính thuế, hóa đơn không có thủ tục hành chính phải đánh giá tác động theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH; TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ; VẤN ĐỀ GIỚI VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành, nguồn lực thực hiện thi hành Nghị định là từ nguồn lực hiện nay của cơ quan thuế, không tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế, không tăng thêm nguồn nhân lực, tài chính.

Dự thảo Nghị định không có sự phân biệt đối xử, đảm bảo tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Dự thảo Nghị định không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới. Dự thảo Nghị định không phát sinh thủ tục hành chính cho người nộp thuế.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Hồ sơ kèm theo: Dự thảo Nghị định; Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CT (PC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ
ĐỊNH SỐ 125/2020/NĐ-CP VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH**

Điều	Nghị định 125/2020/NĐ-CP	Dự thảo văn bản sửa đổi Nghị định 125/2020/NĐ-CP	Thuyết minh nội dung sửa đổi
K1Đ2	1. Vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi do tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác (tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau: 1. Vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi do tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác (tiền sử dụng đất; tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; các khoản thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP) mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.	Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 57/2022/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý thu đối với các khoản thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm, quyền góp vốn và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp nhà nước và xử lý VPHC theo Luật Quản lý thuế. Tuy nhiên Nghị định 125/2020/NĐ-CP là văn bản ban hành trước khi các văn bản nêu trên nên chưa quy định đối tượng bị xử phạt VPHC đối với các khoản thu nêu trên. Cục Thuế bổ sung các khoản thu này vào phạm vi đối tượng bị xử phạt VPHC để đảm bảo có chế tài xử phạt đối với các khoản thu này, đảm bảo tính răn đe trong trường hợp các doanh nghiệp nhà nước không thực hiện kê khai, nộp các khoản thu đúng quy định tại Thông tư 57/2022/TT-BTC.
aK1Đ3	a) Người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền	Bổ sung vào điểm a: a) Người nộp thuế có hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.	Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 107/2023/QH15 quy định người nộp thuế là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia có doanh thu trong

	cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nghĩa vụ về thuế mà pháp luật về thuế, quản lý thuế quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của bên được ủy quyền phải thực hiện thay người nộp thuế thì nếu bên được ủy quyền có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân được ủy quyền bị xử phạt theo Nghị định này. Trường hợp theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay người nộp thuế mà tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Nghị định này.	Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nghĩa vụ về thuế mà pháp luật về thuế, quản lý thuế quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của bên được ủy quyền phải thực hiện thay người nộp thuế thì nếu bên được ủy quyền có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân được ủy quyền bị xử phạt theo Nghị định này. Trường hợp theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay người nộp thuế mà tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thì tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia được tập đoàn đa quốc gia chỉ định thực hiện đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay hoặc đơn vị hợp thành được cơ quan thuế chỉ định thực hiện đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay nếu đơn vị hợp thành có hành vi vi phạm hành chính tại Nghị định này thì đơn vị hợp thành được chỉ định bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.	báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao. Đối tượng bị xử phạt là đơn vị hợp thành chịu trách nhiệm kê khai theo Điều 6 của Nghị quyết 107/2023/QH15 là hoàn toàn phù hợp. Do đó, Cục Thuế bổ sung nguyên tắc xác định đối tượng vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định pháp luật về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.
K3D5	3. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ các trường hợp sau:	Bổ sung các trường hợp: đ) Trường hợp cùng một ngày cơ quan thuế hoặc cơ quan chức năng khác phát hiện người nộp thuế thực hiện hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với nhiều hóa đơn thì chỉ bị xử phạt về một hành vi	Hiện nay nhiều cơ quan thuế địa phương đang gặp vướng mắc trong việc xử phạt VPHC về hóa đơn khi xác định từng hành vi vi phạm với số lượng hóa đơn lớn, tổng hợp số tiền phạt của từng hành vi VPHC về hóa đơn rất lớn dẫn đến NNT không có khả năng

		lập hóa đơn không đúng thời điểm có khung tiền phạt tương ứng với số lượng hóa đơn đã lập không đúng thời điểm theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vì phạm hành chính nhiều lần. e) Trường hợp cùng một ngày cơ quan thuế hoặc cơ quan chức năng khác phát hiện người nộp thuế thực hiện hành vi không lập hóa đơn đối với nhiều hóa đơn thì chỉ bị xử phạt về một hành vi không lập hóa đơn tương ứng với số lượng hóa đơn không lập theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vì phạm hành chính nhiều lần. g) Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế khai sai nhiều chỉ tiêu trên một hồ sơ thuế thì hành vi khai sai thuộc trường hợp xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	thi hành mặc dù các trường hợp này NNT không dễ xảy ra hậu quả nghiêm trọng như trốn thuế, thiếu thuế. Do đó, để tháo gỡ vướng mắc, Cục Thuế đã bỏ các khoản d, e, tại Khoản 3 Điều 5 nhằm bổ sung nguyên tắc gom các hành vi VPHC về hóa đơn theo nguyên tắc cùng một ngày cơ quan thuế, cơ quan chức năng khác phát hiện NNT thực hiện hành vi VPHC về hóa đơn đối với nhiều hóa đơn thì chỉ bị xử phạt về một hành vi VPHC và số tiền phạt tương ứng với số lượng hóa đơn đã vi phạm (số lượng hóa đơn vi phạm càng lớn thì mức tiền phạt càng cao). Ngoài ra, trên thực tế phát sinh trường hợp một hồ sơ khai thuế gồm nhiều sắc thuế và NNT khai sai nhiều chỉ tiêu khác nhau trên một hồ sơ thuế nhưng điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP chưa bao quát trường hợp này dẫn đến các cơ quan thuế chưa thống nhất quan điểm khi xem xét xử phạt đối với hành vi VPHC của NNT. Cục Thuế đã có hướng dẫn bằng văn bản đối với trường hợp này gửi các cơ quan thuế địa phương. Tuy nhiên, để đảm bảo các cơ quan thuế thực hiện thống nhất khi xử phạt VPHC thì Cục Thuế đề xuất quy định bổ sung trường hợp này tại điểm g khoản 3 Điều 5.
aK3Đ5	a) Trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế khai sai một hoặc nhiều chỉ tiêu trên các hồ sơ thuế của cùng một sắc thuế thì hành vi khai sai thuộc trường hợp xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có	Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 5 như sau: a) Trường hợp cùng một ngày người nộp thuế khai sai một hoặc nhiều chỉ tiêu trên các hồ sơ thuế của cùng một sắc thuế thì hành vi khai sai thuộc trường hợp xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một hành vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có khung phạt tiền cao nhất	Trong thực tế, một số cơ quan thuế gặp vướng mắc khi xác định hành vi được thực hiện “cùng một thời điểm” là tính theo giờ, phút, giây hay ngày. Cục Thuế cũng đã có một số công văn hướng dẫn cơ quan thuế về việc theo quy định tại Nghị định số 19/2021/NĐ-CP thì thời điểm trong giao dịch

	khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần;	trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần	điện tử trong lĩnh vực thuế được tính theo ngày. Để thể hiện rõ nội dung này, Ban Pháp chế đã sửa đổi cụm từ “thời điểm” thành “ngày” tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 5. Đồng thời Cục Thuế cũng sửa đổi trường hợp NNT khai sai nhiều chỉ tiêu trên nhiều hồ sơ thuế (không bắt buộc phải cùng một sắc thuế) thì cũng thuộc trường hợp loại trừ tại điểm a khoản 3 Điều 5.
bK3Đ5	b) Trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của nhiều kỳ tính thuế nhưng cùng một sắc thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần. Trường hợp trong số hồ sơ khai thuế chậm nộp có hồ sơ khai thuế chậm nộp thuộc trường hợp trốn thuế thì tách riêng để xử phạt về hành vi trốn thuế;	Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 5 như sau: b) Trường hợp cùng một thời điểm ngày người nộp thuế chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của nhiều kỳ tính thuế nhưng cùng một sắc thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần. Trường hợp trong số hồ sơ khai thuế chậm nộp có hồ sơ khai thuế chậm nộp thuộc trường hợp trốn thuế thì tách riêng để xử phạt về hành vi trốn thuế;	
cK3Đ5	c) Trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế chậm nộp nhiều thông báo, báo cáo cùng loại về hóa đơn thì người nộp thuế bị xử phạt về một hành vi chậm nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần;	Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 5 như sau: c) Trường hợp cùng một thời điểm ngày người nộp thuế chậm nộp nhiều thông báo, báo cáo cùng loại về hóa đơn thì người nộp thuế bị xử phạt về một hành vi chậm nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần;	
K5Đ5	5. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần	Sửa đổi khoản 5 Điều 5, bổ sung nguyên tắc áp dụng hình phạt tiền tại Điều 7 : 5. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền	Cục Thuế đề xuất bãi bỏ Điều 7 do các nguyên tắc chung về hình thức xử phạt đã được quy định cụ thể tại Luật Xử lý vi phạm

	mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.	a) Nguyên tắc xác định mức phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. b) Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định này. c) Mức phạt tiền quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, khoản 1, 2 Điều 19 và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Đối với người nộp thuế là hộ gia đình, hộ kinh doanh áp dụng mức phạt tiền như đối với cá nhân. d) Khi xác định mức phạt tiền đối với người nộp thuế vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. đ) Các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng đã được sử dụng để xác định khung tiền phạt thì không được sử dụng khi xác định số tiền phạt cụ thể theo điểm e khoản này. e) Khi phạt tiền, mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn và hành vi tại Điều 19 Nghị định này là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Nếu có một tình tiết giảm nhẹ thì được giảm 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt; nếu có một tình tiết	hành chính. Đối với nội dung tại Khoản 4 Điều 7 về nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền được Cục Thuế đưa lên khoản 5 Điều 5 là phần quy định về nguyên tắc chung. Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 118/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ 2/5/2025 đã bổ sung một số quy định về nguyên tắc xác định xác định về việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong xử phạt VPHC. Để cơ quan thuế có cơ sở xem xét khi áp dụng pháp luật đồng thời tránh việc nếu dẫn chiếu các quy định tại luật pháp về xử lý vi phạm hành chính tại Nghị định này mà pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có sự thay đổi thì sẽ dẫn đến các quy định tại Nghị định số 125 sẽ không còn phù hợp, Cục Thuế đề xuất bổ sung nguyên tắc áp dụng chung là “<i>Nguyên tắc xác định mức phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.</i>” Ngoài ra, bổ sung quy định về việc áp dụng mức phạt tiền khi có từ 02 tình tiết tăng nặng hoặc tình tiết giảm nhẹ trở lên để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Nghị định 68/2025/NĐ-CP.
--	---	--	--

		tăng nặng thì được tính tăng 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên, thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.	
K2Đ6	2. Vi phạm hành chính với số tiền thuế (số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn cao hơn) từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau: 2. Vi phạm hành chính với số tiền thuế (số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn cao hơn) từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Một hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn với số lượng từ 10 số hóa đơn trở lên đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều 22, Khoản 2, khoản 3 Điều 24, Điều 26 Nghị định này thì được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính.	Do thực tế, một số cơ quan thuế chưa thống nhất trong cách áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm hành chính có quy mô lớn” đối với lĩnh vực hóa đơn nên Cục Thuế bổ sung quy định này nhằm làm rõ việc áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm hành chính có quy mô lớn” đối với hóa đơn. Theo đó nếu xử phạt VPHC về từng hành vi vi phạm thì không áp dụng tình tiết tăng nặng này còn khi bị xử phạt về một hành vi vi phạm đối với 10 số hóa đơn trở lên thì bị áp dụng tình tiết tăng nặng này. Tình tiết tăng nặng này áp dụng cụ thể cho hành vi quy định tại khoản 2 Điều 22, Khoản 2, khoản 3 Điều 24, Điều 26 Nghị định này nếu NNT vi phạm từ 10 số hóa đơn trở lên.
Đ7		Bãi bỏ	Đối với các nội dung nguyên tắc chung như hình thức xử phạt đã được quy định cụ thể tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và Luật Quản lý thuế nên Cục Thuế không quy định lại tại Nghị định này. Các nội dung về nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền được đưa lên Khoản 5 Điều 5 quy định các nguyên tắc xử phạt VPHC về thuế, hóa đơn
cK1Đ8	c) Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn đang được thực hiện là các hành vi quy định tại khoản 4 Điều 21; điểm	Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 8 như sau: c) Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn đang được thực hiện là các hành vi quy định	Sửa đổi kỹ thuật khi các điều khoản khác thay đổi

	b khoản 2 và khoản 3 Điều 23; khoản 2, khoản 5 Điều 24; điểm b khoản 3 Điều 25; điểm b khoản 2 và điểm b, c, d khoản 3 Điều 27; điểm b khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 3 Điều 30 Nghị định này.	tại khoản 4 Điều 21; điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 23; điểm b khoản 2, khoản 5 khoản 3 Điều 24; điểm b khoản 3 Điều 25; điểm b khoản 2 và điểm b, e, d khoản 3 Điều 27; điểm b khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 3 Điều 30 Nghị định này.	
dK1Đ8	d) Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này là hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện hành vi vi phạm đó. Đối với hành vi mất, cháy, hỏng hóa đơn nếu không xác định được ngày mất, cháy, hỏng hóa đơn thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện hóa đơn bị mất, cháy, hỏng. Đối với hành vi vi phạm về thời hạn thông báo, báo cáo về hóa đơn quy định tại khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, b khoản 1 và điểm c, d khoản 2 Điều 23; khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 25; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều 29 Nghị định này thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày người nộp thuế nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn.	Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 8 như sau: d) Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này là hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện hành vi vi phạm đó. Đối với hành vi mất, cháy, hỏng hóa đơn nếu không xác định được ngày mất, cháy, hỏng hóa đơn thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện hóa đơn bị mất, cháy, hỏng. Đối với hành vi vi phạm về thời hạn thông báo, báo cáo về hóa đơn quy định tại khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, b khoản 1 và điểm c, d khoản 2 Điều 23; khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 25; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều 29 Nghị định này thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày người nộp thuế nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn.	Sửa đổi kỹ thuật khi các điều khoản khác thay đổi
aK2Đ8	a) Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm. Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thủ tục thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy định của pháp	Bổ sung vào điểm a Khoản 2 Điều 8 như sau: a) Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm. Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thủ tục thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy	Bổ sung kỹ thuật do bổ sung hành vi tại Điều 10

	luật về quản lý thuế, trừ các trường hợp sau đây: Đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm a, b khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 10; khoản 1, 2, 3, 4 và điểm a khoản 5 Điều 11; khoản 1, 2, 3 và điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 13 Nghị định này, ngày thực hiện hành vi vi phạm để tính thời hiệu là ngày người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế hoặc thông báo với cơ quan thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế. Đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 10; điểm b khoản 5 Điều 11; điểm c, d khoản 4 Điều 13 Nghị định này, ngày thực hiện hành vi vi phạm để tính thời hiệu là ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.	định của pháp luật về quản lý thuế, trừ các trường hợp sau đây: Đối với hành vi quy định tại khoản 1, điểm a, b, d khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 10; khoản 1, 2, 3, 4 và điểm a khoản 5 Điều 11; khoản 1, 2, 3 và điểm a, b khoản 4, khoản 5 Điều 13 Nghị định này, ngày thực hiện hành vi vi phạm để tính thời hiệu là ngày người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế hoặc thông báo với cơ quan thuế hoặc nộp hồ sơ khai thuế. Đối với hành vi quy định tại điểm c, d khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 10; điểm b khoản 5 Điều 11; điểm c, d khoản 4 Điều 13 Nghị định này, ngày thực hiện hành vi vi phạm để tính thời hiệu là ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm.	
K3Đ9	3. Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với trường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện.	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau: 3. Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với trường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền khác phát hiện.	Do thay đổi cơ cấu bộ máy nhà nước đáp ứng yêu cầu của tình hình mới trong bối cảnh thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước mà ngành thuế hiện nay không còn chức năng thanh tra chuyên ngành. Vì vậy, Cục Thuế sửa đổi quy định này thành cơ quan thuế với chức năng kiểm tra thuế và cơ quan có thẩm quyền khác có chức năng thanh tra, kiểm tra tương ứng.
Đ10	Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh;	Sửa đổi, bổ sung tên Điều 10 như sau: Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động	Theo điểm b khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội quy định về trường hợp Tập đoàn đa quốc

	thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn	kinh doanh; thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn; thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 của Quốc hội	gia có nhiều hơn 01 đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia có văn bản thông báo chỉ định một trong những đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của tập đoàn theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Trường hợp hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải thông báo, cơ quan thuế chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế. Như vậy, sau khi cơ quan thuế chỉ định một đơn vị hợp thành thì thông báo không đúng thời hạn quy định nêu trên thì được xác định là hành vi vi phạm và đối tượng bị xử phạt là đơn vị hợp thành được chỉ định tại Việt Nam. Do đó, bổ sung thêm tên hành vi vi phạm của đối tượng vi phạm này.
K2Đ10	2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:	Bổ sung điểm d, đ khoản 2 như sau: d) Thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội quá thời hạn quy định. đ) Không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội.	Tương tự như trên.

D10		Bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau: “Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này”	Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng với hành vi vi phạm không nộp thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai, nộp thuế và danh sách các đơn vị hợp thành tại điểm đ khoản 2 Điều này
K6Đ11	6. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp sau đây: a) Cá nhân không kinh doanh đã được cấp mã số thuế thu nhập cá nhân chậm thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân khi được cấp thẻ căn cước công dân; b) Cơ quan chi trả thu nhập chậm thông báo thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân khi người nộp thuế thu nhập cá nhân là các cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân được cấp thẻ căn cước công dân; c) Thông báo thay đổi thông tin trên hồ sơ đăng ký thuế về địa chỉ người nộp thuế quá thời hạn quy định do thay đổi địa giới hành chính theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Nghị quyết của Quốc hội.	Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 11 như sau: 6. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với trường hợp sau đây: a) Cá nhân không kinh doanh đã được cấp mã số thuế thu nhập cá nhân chậm thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân khi được cấp thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước ; b) Cơ quan chi trả thu nhập chậm thông báo thay đổi thông tin về chứng minh nhân dân khi người nộp thuế thu nhập cá nhân là các cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân được cấp thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước ; c) Thông báo thay đổi thông tin trên hồ sơ đăng ký thuế về địa chỉ người nộp thuế quá thời hạn quy định do thay đổi địa giới hành chính theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc Nghị quyết của Quốc hội.	Hiện tại chứng minh nhân dân đã không còn được sử dụng và tồn tại trong hệ thống cơ sở dữ liệu NNT và thay bằng căn cước công dân, và thẻ căn cước theo quy định tại Luật Căn cước năm 2023. Do đó, cụm từ chứng minh nhân dân dân không còn ý nghĩa trong phạm vi Nghị định này nên Cục Thuế thay thế cụm từ này bằng thẻ căn cước.
K5Đ13	5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn trên 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách	Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 13 như sau: 5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn trên 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà	Do thay đổi cơ cấu bộ máy nhà nước đáp ứng yêu cầu của tình hình mới trong bối cảnh thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước mà ngành thuế hiện nay không còn chức năng thanh tra chuyên ngành. Vì vậy, Cục Thuế sửa đổi quy định này thành cơ quan thuế với chức năng kiểm tra thuế và cơ quan có thẩm

	nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 143 Luật Quản lý thuế. Trường hợp số tiền phạt nếu áp dụng theo khoản này lớn hơn số tiền thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì số tiền phạt tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế nhưng không thấp hơn mức trung bình của khung phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều này.	nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, cơ quan có thẩm quyền khác công bố quyết định thanh tra, kiểm tra hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 11 Điều 143 Luật Quản lý thuế. Trường hợp số tiền phạt nếu áp dụng theo khoản này lớn hơn số tiền thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì số tiền phạt tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế hoặc tổng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên các hồ sơ khai thuế thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này nhưng không thấp hơn mức trung bình của khung phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều này.	quyền khác có chức năng thanh tra, kiểm tra tương ứng. Đồng thời nguyên tắc xác định số tiền phạt trong trường hợp này đang phù hợp với 1 hồ sơ khai thuế phát sinh nghĩa vụ thuế. Do đó để xác định số tiền xử phạt trong trường hợp NNT nộp nhiều hồ sơ khai thuế trong cùng một ngày thì cần thiết phải bổ sung thêm nguyên tắc về căn cứ xác định số tiền tại quy định này trong trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của nhiều kỳ tính thuế nhưng cùng một sắc thuế và có thể cùng phát sinh số thuế phải nộp của nhiều hồ sơ khai thuế. Trong trường hợp này, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì chỉ bị xử phạt về một hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định này và áp dụng tính tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần
K6Đ13	6. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế;	Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6 Điều này như sau: 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế;	Hành vi vi phạm tại khoản 5 Điều này thì người nộp thuế đã nộp đủ số tiền chậm nộp nên không phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Do đó, Cục Thuế lược bỏ khoản 5 Điều 6 tại quy định về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.
bK1Đ16	“b) Khai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng người nộp	Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 16	Hành vi này trước đây được quy định phù hợp với khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý Thuế năm 2019. “2. Khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế thì

	thuế đã tự giác kê khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế kết thúc thời hạn thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế;		người nộp thuế vẫn được khai bổ sung hồ sơ khai thuế; cơ quan thuế thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại Điều 142 và Điều 143 của Luật này.”. Tuy nhiên, quy định này đã được bãi bỏ kể từ ngày 01/01/2025 nên hành vi này không còn tồn tại
K1Đ19	1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày trở lên.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau: 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày trở lên.	Pháp luật đã quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế. (Ví dụ: Điều 98 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế). Việc cung cấp thông tin được thực hiện không chỉ khi cơ quan thuế có yêu cầu mà còn được thực hiện hàng ngày hoặc theo định kỳ hàng tháng, quý, năm ... theo quy định của pháp luật. Do đó, Cục Thuế bổ sung thêm cụm từ “ theo quy định của pháp luật ” để đảm bảo bao quát hết các trường hợp cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân có liên quan.
bK2Đ19	b) Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến tài sản, quyền, nghĩa vụ về tài sản của người nộp thuế do mình nắm giữ; tài khoản của người nộp thuế tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước.	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 19 như sau: b) Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến tài sản, quyền, nghĩa vụ về tài sản của người nộp thuế do mình nắm giữ; tài khoản của người nộp thuế tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài; Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin về tiền lương hoặc thu nhập của người nộp thuế do mình nắm giữ;	- Bổ sung thêm đối tượng xử phạt là “ chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài ”: lý do: Theo điểm b khoản 2 Điều 19 chỉ quy định xử phạt VPHC đối với tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước. Tuy nhiên, chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nên nếu chỉ nhánh ngân hàng nước ngoài có hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin thì cũng không thuộc đối tượng bị xử phạt VPHC theo điểm b khoản 2 Điều 19. Do đó, đề xuất bổ sung thêm “chỉ nhánh

		Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế.	ngân hàng nước ngoài” để đảm bảo quy định đầy đủ đối tượng bị xử phạt có liên quan đến việc cung cấp thông tin tài khoản của NNT. - Bổ sung việc xử lý đối với tổ chức chi trả tiền lương hoặc thu nhập không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân thuộc trường hợp bị cưỡng chế khi thực hiện áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền lương hoặc thu nhập để đồng nhất trong việc xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện xác minh thông tin các biện pháp cưỡng chế nợ thuế. - Bổ sung thêm hành vi “không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế”, lý do: khoản 1 Điều 19 mới chỉ quy định phạt tiền đối với hành vi <u>cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ 05 ngày trở lên</u>; chưa quy định phạt tiền đối với hành vi <u>không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin, tài liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế</u>. Do đó, để đảm bảo bao quát hết các trường hợp phát sinh trên thực tế, đề xuất bổ sung thêm hành vi “không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin, tài
--	--	---	---

			liệu liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, tài khoản của người nộp thuế theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan thuế” với chế tài xử phạt từ 6.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng tương tự như mức phạt tiền của hành vi “Không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến tài sản, quyền, nghĩa vụ về tài sản của người nộp thuế do mình nắm giữ; tài khoản của người nộp thuế tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.
K3Đ19	3. Mức phạt tiền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Mức phạt tiền đối với cá nhân áp dụng theo nguyên tắc quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này.	Bãi bỏ	Lý do bãi bỏ: Tại khoản 5 Điều 5 dự thảo Nghị định (sau sửa đổi) đã quy định rõ “Mức phạt tiền quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, khoản 1, 2 Điều 19 và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức” và “Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ mức phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.”, vì vậy việc quy định khoản 3 Điều 19 là không cần thiết.
Đ20	Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hóa đơn đặt in	Bãi bỏ	Bãi bỏ do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP không quy định cho phép NNT đặt in hóa đơn nên không còn hành vi vi phạm về đặt in hóa đơn trong thực tế
Đ21	Điều 21. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về in hóa đơn đặt in	Bãi bỏ	Bãi bỏ do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP không quy định cho hoạt động in hóa đơn nên không còn hành vi vi phạm về hoạt động in hóa đơn đặt in trong thực tế
K1Đ22	1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với một trong	Bãi bỏ	Bãi bỏ do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP không quy định loại hóa đơn đặt in nên không

	các hành vi sau đây: a) Cho, bán hóa đơn đặt in chưa phát hành; b) Cho, bán hóa đơn đặt in của khách hàng đặt in hóa đơn cho tổ chức, cá nhân khác.		còn hành vi vi phạm về loại hóa đơn đặt in trong thực tế
K2Đ22	2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn, trừ hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.	Sửa đổi khoản 2 Điều 22 như sau: 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn, trừ hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.	Sửa do đã bãi bỏ khoản 1 Điều này
aK3Đ22	a) Buộc hủy hóa đơn đối với hành vi quy định tại Điều này;	Bãi bỏ	Bãi bỏ điểm a khoản 3 Điều 22 do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP đã không còn quy định về việc hủy hóa đơn.
Đ23	Điều 23. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phát hành hóa đơn 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc khi thay đổi tên quá thời hạn từ 10 ngày đến 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới hoặc bắt đầu sử dụng hóa đơn với tên mới; b) Nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển đến khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp quá thời hạn từ 10 ngày đến 20 ngày,	Bãi bỏ	Nghị định 123/2020/NĐ-CP đã không còn các quy định về người sử dụng hóa đơn phải phát hành hóa đơn do đó không còn hành vi vi phạm về phát hành hóa đơn trong thực tế để xử phạt VPHC.

	kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới. c) Sử dụng hóa đơn đã được thông báo phát hành với cơ quan thuế nhưng chưa đến thời hạn sử dụng. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Lập thông báo phát hành hóa đơn không đầy đủ nội dung theo quy định đã được cơ quan thuế phát hiện và có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để điều chỉnh nhưng tổ chức, cá nhân chưa điều chỉnh mà đã lập hóa đơn giao cho khách hàng; b) Không niêm yết thông báo phát hành hóa đơn theo đúng quy định; c) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc khi thay đổi tên quá thời hạn từ 21 ngày trở lên, kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới hoặc bắt đầu sử dụng hóa đơn với tên mới; d) Nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển đến khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp quá thời hạn từ 21 ngày trở lên, kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới. 3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với hành vi		
--	--	--	--

	không lập thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nếu các hóa đơn này gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã khai, nộp thuế hoặc chưa đến kỳ kê khai, nộp thuế theo quy định. Trường hợp không lập thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nếu các hóa đơn này không gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc quá thời hạn khai thuế mà chưa được khai, nộp thuế theo quy định thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 28 Nghị định này hoặc Điều 16, Điều 17 Chương II Nghị định này. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện thủ tục phát hành hóa đơn theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều này.		
Đ24	Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ 1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây: a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế và có tình tiết giảm nhẹ; b) Lập hóa đơn liên tục từ số nhỏ đến số lớn nhưng khác quyền (dùng quyền có số thứ tự lớn hơn và chưa dùng quyền có số thứ tự nhỏ hơn) và tổ chức, cá nhân sau khi phát hiện ra đã hủy các quyền hóa đơn có số thứ tự nhỏ hơn;	Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau: Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ 1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây: a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế và có tình tiết giảm nhẹ; b) Lập hóa đơn liên tục từ số nhỏ đến số lớn nhưng khác quyền (dùng quyền có số thứ tự lớn hơn và chưa dùng quyền có số thứ tự nhỏ hơn) và tổ chức, cá nhân sau khi phát hiện ra đã hủy các quyền hóa đơn có số thứ tự nhỏ hơn; c) Lập sai loại hóa đơn theo quy định đã giao	Kết cấu lại Điều 24, theo đó: + Quy định mức phạt theo số lượng hóa đơn vi phạm theo nguyên tắc số lượng hóa đơn vi phạm càng nhiều mức phạt càng cao để bảo đảm tính răn đe, hạn chế vi phạm. + Quy định mức phạt nhẹ hơn so với hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ thông thường đối với hành vi vi phạm lập hóa đơn cho hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn

c) Lập sai loại hóa đơn theo quy định đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế, bên bán và bên mua phát hiện việc lập sai loại hóa đơn và lập lại loại hóa đơn đúng theo quy định trước khi cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế và không ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ thuế. 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Không lập hóa đơn tổng hợp theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. b) Không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất. 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. 4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa	cho người mua hoặc đã kê khai thuế, bên bán và bên mua phát hiện việc lập sai loại hóa đơn và lập lại loại hóa đơn đúng theo quy định trước khi cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế và không ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ thuế. 2. Hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật bị xử phạt như sau: a. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 01 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn. b. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 10 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ	hoặc hoàn trả hàng hóa nhằm giảm thiểu trách nhiệm cho người bán do các hành vi này không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế và người bán hàng thường vi phạm với số lượng do chủ quan không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế phải nộp.
---	---	--

đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều này; b) Lập hóa đơn không theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn theo quy định, trừ trường hợp phạt cảnh cáo theo điểm b khoản 1 Điều này; c) Lập hóa đơn ghi ngày trên hóa đơn trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế; d) Lập sai loại hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế, trừ trường hợp phạt cảnh cáo theo điểm c khoản 1 Điều này; d) Lập hóa đơn điện tử khi chưa có thông báo chấp thuận của cơ quan thuế hoặc trước ngày cơ quan thuế chấp nhận việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế; c) Lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp lập hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày thông báo tạm ngừng kinh doanh; g) Lập hóa đơn điện tử từ máy tính tiền không có kết nối, chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. h) Lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định. 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến	01 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn. c. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 10 số hóa đơn đến dưới 20 số hóa đơn. d. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 100 số hóa đơn trở lên và trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 20 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn. đ. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa,	
--	--	--

	20.000.000 đồng đối với hành vi không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người mua theo quy định, trừ hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.	cung ứng dịch vụ từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn. e. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 100 số hóa đơn trở lên. 3. Hành vi không lập hóa đơn theo quy định bị xử phạt như sau: a. Phạt tiền từ 1.000.000 đến 2.000.000 trong trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 01 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn. b. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 10 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 01 số hóa đơn đến dưới 10 số hóa đơn. c. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến	
--	--	---	--

		30.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 50 số hóa đơn đến dưới 100 số hóa đơn và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 10 số hóa đơn đến dưới 20 số hóa đơn. d. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn đối với các hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động, trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất; xuất hàng dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa từ 100 số hóa đơn trở lên và trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 20 số hóa đơn đến dưới 50 số hóa đơn. đ. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng trong trường hợp không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định từ 50 số hóa đơn trở lên. 4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm theo	
--	--	---	--

		quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều này; b) Lập hóa đơn không theo thứ tự từ số nhỏ đến số lớn theo quy định, trừ trường hợp phạt cảnh cáo theo điểm b khoản 1 Điều này; c) Lập hóa đơn ghi ngày trên hóa đơn trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế; d) Lập sai loại hóa đơn theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và đã giao cho người mua hoặc đã kê khai thuế, trừ trường hợp phạt cảnh cáo theo điểm c khoản 1 Điều này; đ) Lập hóa đơn điện tử khi chưa có thông báo chấp thuận của cơ quan thuế hoặc trước ngày cơ quan thuế chấp nhận việc sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế; e) Lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ trong thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh, trừ trường hợp lập hóa đơn giao cho khách hàng để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày thông báo tạm ngừng kinh doanh; g) Lập hóa đơn điện tử từ máy tính tiền không có kết nối, chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế. h) Lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định. 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho người mua theo quy định, trừ hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc lập hóa	
--	--	--	--

		đơn theo quy định đối với hành vi quy định tại khoản 3, điểm d khoản 4, khoản 5 Điều này khi người mua có yêu cầu.	
Đ25	Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập	Sửa đổi tên Điều 25 như sau: Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập	Chỉ sửa tên Điều cho phù hợp do không còn quy định về thông báo phát hành hóa đơn đối với người sử dụng hóa đơn.
aK3Đ26	3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã phát hành, đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập;	Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 26 như sau: 3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã phát hành , đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập;	Bỏ nội dung xử phạt vi phạm đối với hành vi làm mất cháy hỏng hóa đơn đã phát hành nhưng chưa lập tại điểm a khoản 3 do không còn quy định về việc NNT phải thông báo phát hành hóa đơn
Đ27	Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hủy, tiêu hủy hóa đơn 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi hủy, tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 01 đến 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn phải hủy, tiêu hủy hóa đơn theo quy định mà có tình tiết giảm nhẹ. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Hủy không đúng quy định các hóa đơn đã phát hành nhưng chưa lập, hóa đơn không còn giá trị sử dụng; b) Không hủy các hóa đơn đã phát hành nhưng chưa lập, không còn giá trị sử dụng; không hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế đã hết hạn sử dụng;	Sửa đổi Điều 27 như sau: Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hủy, tiêu hủy hóa đơn 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi hủy , tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 01 đến 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn phải hủy , tiêu hủy hóa đơn theo quy định mà có tình tiết giảm nhẹ. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Tiêu Hủy không đúng quy định hóa đơn đặt in mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng, không còn giá trị sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế. không còn tiếp giá trị sử dụng; b) Không tiêu hủy các hóa đơn đặt in mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng, đã phát hành nhưng chưa lập , không còn hết giá trị	Bỏ các quy định hủy hóa đơn và các trường hợp hủy hóa đơn liên quan đến nội dung phát hành hóa đơn do Nghị định về hóa đơn đã không còn quy định về hủy hóa đơn và quy định về việc NNT phát hành hóa đơn.

	c) Hủy, tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 01 ngày đến 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn phải hủy, tiêu hủy hóa đơn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Hủy, tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 11 ngày làm việc trở lên, kể từ ngày hết thời hạn phải hủy, tiêu hủy hóa đơn theo quy định; b) Không hủy, không tiêu hủy hóa đơn theo quy định của pháp luật; c) Không hủy hóa đơn điện tử khi lập sai sót sau khi quá thời hạn cơ quan thuế thông báo cho người bán về việc kiểm tra sai, sót; d) Không hủy hóa đơn đặt in chưa phát hành nhưng không còn sử dụng theo quy định; đ) Hủy, tiêu hủy hóa đơn không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; e) Tiêu hủy hóa đơn không đúng các trường hợp phải tiêu hủy theo quy định. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy, tiêu hủy hóa đơn đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, điểm b, c, d khoản 3 Điều này.	sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế; không hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế đã hết hạn sử dụng; c) Hủy, tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 01 ngày đến 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn phải hủy, tiêu hủy hóa đơn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. 3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: a) Hủy, tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 11 ngày làm việc trở lên, kể từ ngày hết thời hạn phải hủy, tiêu hủy hóa đơn theo quy định; b) Không hủy, không tiêu hủy hóa đơn theo quy định của pháp luật; e) Không hủy hóa đơn điện tử khi lập sai sót sau khi quá thời hạn cơ quan thuế thông báo cho người bán về việc kiểm tra sai, sót; d) Không hủy hóa đơn đặt in chưa phát hành nhưng không còn sử dụng theo quy định; đ) Hủy, tiêu hủy hóa đơn không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; e) Tiêu hủy hóa đơn không đúng các trường hợp phải tiêu hủy theo quy định. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy, tiêu hủy hóa đơn đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2, điểm b, c, d khoản 3 Điều này.	
K2Đ28	2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy hóa đơn đã sử dụng.	Bãi bỏ	Bãi bỏ khoản 2 do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP đã không còn quy định về việc hủy hóa đơn đã sử dụng.

Điều 31	Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ hóa đơn Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: 1. Cung cấp phần mềm hóa đơn tự in không đảm bảo nguyên tắc hoặc khi in ra không đáp ứng đủ nội dung quy định của pháp luật về hóa đơn. 2. Cung cấp phần mềm hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn.	Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau: Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ hóa đơn Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi cung cấp giải pháp trong việc khởi tạo, kết nối nhận, truyền, nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu của hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn.	- Bãi bỏ Khoản 1: Do Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Nghị định số 70/2025/NĐ-CP không còn quy định về dịch vụ cung cấp phần mềm hóa đơn tự in. - Sửa đổi Khoản 2: Thực tế đã xảy ra trường hợp các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (bao gồm cung cấp giải pháp trong việc khởi tạo, kết nối nhận, truyền, nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu của hóa đơn điện tử) đã thực hiện không đúng nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn dẫn đến làm sai lệch dữ liệu hóa đơn điện tử của người nộp thuế, sai lệch doanh thu tương ứng hóa đơn điện tử này. Trường hợp các hành vi này của nhà cung cấp dịch vụ cho NNT dẫn đến hậu quả làm thay đổi nghĩa vụ nộp thuế của NNT như giảm số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được khấu trừ, hoàn... thì NNT sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP. Còn các tổ chức cung cấp dịch vụ này sẽ bị xử phạt theo Điều 31 theo đề xuất sửa đổi của Cục Thuế. - Cơ sở pháp lý để xây dựng điều khoản quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Quản lý thuế 2019: <i>“Điều 145. Xử lý hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý thuế</i> <i>1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện pháp luật về thuế quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật này có hành vi thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, không thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy</i>
-----------------------	---	--	---

			<i>cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật."</i>
K1Đ32	Điều 32. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của cơ quan thuế 1. Công chức thuế đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1: 1. Công chức thuế đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này."	Do thay đổi cơ cấu bộ máy nhà nước, chức danh Đội trưởng đội thuế trước đây được thay thế bằng Tổ trưởng Tổ thuế hiện nay. Tuy nhiên Tổ trưởng Tổ Thuế không phải chức danh được bổ nhiệm theo quy định, do đó không thuộc trường hợp chức danh thay đổi theo Điều 53 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Để các công chức thuế (trong đó có Tổ trưởng Tổ thuế) có thẩm quyền xử phạt trong trường hợp cần thiết, Cục Thuế bổ sung thẩm quyền xử phạt bằng hình thức phạt tiền cho công chức thuế tại điều khoản này theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật XLVPHC
K2Đ32	2. Đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều 10; khoản 2, 3, 4 Điều 11; khoản 1 Điều 14; điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 15; khoản 1 Điều 20; khoản 2, 3 Điều 21; khoản 1 và điểm c, d khoản 2 Điều 23; khoản 2, 3 Điều 24; khoản 2 Điều 25; khoản 2 Điều 26; điểm a, c khoản 2 Điều 27; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 29; khoản 1 Điều 30 Nghị định này.	Bãi bỏ khoản này	Do thay đổi cơ cấu bộ máy nhà nước, chức danh Đội trưởng đội thuế trước đây được thay thế bằng Tổ trưởng Tổ thuế hiện nay. Tuy nhiên Tổ trưởng Tổ Thuế không phải chức danh được bổ nhiệm theo quy định, do đó không thuộc trường hợp chức danh thay đổi theo Điều 53 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do đó, Cục Thuế bãi bỏ thẩm quyền xử phạt VPHC của chức danh Đội trưởng Đội thuế trước đây (nay là Tổ trưởng Tổ thuế).
K3Đ32	3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Điều 10, 11,	Sửa đổi khoản 3 Điều 32 như sau: 3. Chi cục trưởng Chi cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình Đội trưởng Đội Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành	Cục Thuế sửa đổi để phù hợp với chức danh của thủ trưởng các cơ quan thuế hiện nay. Đồng thời bãi bỏ điểm d do không còn hình phạt bổ sung này trên thực tế đối với loại hóa đơn tự in.

	12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này; c) Phạt tiền đối với hành vi quy định tại các Điều 16, 17 và Điều 18 Nghị định này; d) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.	vi quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này; c) Phạt tiền đối với hành vi quy định tại các Điều 16, 17 và Điều 18 Nghị định này; d) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.	
K4Đ32	4. Cục trưởng Cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này; c) Phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, 17 và Điều 18 Nghị định này; d) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.	Sửa đổi khoản 4 Điều 32 như sau: 4. Cục trưởng Cục Thuế trong phạm vi địa bàn quản lý của mình Chỉ cục trưởng Chỉ cục Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này; c) Phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, 17 và Điều 18 Nghị định này; d) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.	Cục Thuế sửa đổi để phù hợp với chức danh của thủ trưởng các cơ quan thuế hiện nay. Đồng thời bãi bỏ điểm d do không còn hình phạt bổ sung này trên thực tế đối với loại hóa đơn tự in.
K5Đ32	5. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này; c) Phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều 16, 17 và Điều 18 Nghị định	Sửa đổi khoản 5 Điều 32 như sau: 5. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế Cục trưởng Cục Thuế có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này; c) Phạt tiền đối với hành vi quy định tại Điều	Cục Thuế sửa đổi để phù hợp với chức danh của thủ trưởng các cơ quan thuế hiện nay. Đồng thời bãi bỏ điểm d do không còn hình phạt bổ sung này trên thực tế đối với loại hóa đơn tự in.

	này; d) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.	16, 17 và Điều 18 Nghị định này; d) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.	
Đ33	Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này; c) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Chương III Nghị định này; c) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II Nghị định này; d) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại	Sửa đổi Điều 33 như sau: Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huyện có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này; c) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Chương III Nghị định này; c) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II Nghị định này; d) Đình chỉ hoạt động in hóa đơn có thời hạn đối với hành vi quy định tại Điều 21 Nghị định này; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy	Do hiện nay bộ máy hành chính nhà nước đang triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp về đầy mạnh phân quyền và phân cấp theo chỉ đạo của Chính phủ theo đó sẽ bãi bỏ UBND cấp huyện và chỉ có 02 cấp là UBND cấp xã và UBND cấp tỉnh. Đồng thời, dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2025, dự thảo Nghị định quy định chi tiết về thẩm quyền XPVPHC của các chức danh (do Bộ Tư pháp xây dựng) đang định hướng chuyển giao thẩm quyền xử phạt của UBND cấp huyện xuống cấp xã (tăng mức tiền được xử phạt VPHC của chủ tịch UBND cấp xã tương ứng với chủ tịch UBND cấp huyện trước đây). Do đó, Cục Thuế đề xuất sửa đổi chức danh của người có thẩm quyền xử phạt là chủ tịch UBND cấp huyện thành chủ tịch UBND cấp xã phù hợp với quy định tại dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2025 và dự thảo Nghị định quy định chi tiết về thẩm quyền XPVPHC của các chức danh (do Bộ Tư pháp xây dựng). Trường hợp Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị định quy định chi tiết về thẩm quyền XPVPHC của các chức danh khi ban hành có sự thay đổi khác thì Cục Thuế sẽ sửa đổi quy định tại điều khoản này cho phù hợp.

	Điều 21 Nghị định này; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này.	định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15, 19 Chương II và Chương III Nghị định này.	
Đ34	Điều 34. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của thanh tra	Bãi bỏ	Bãi bỏ do ngành thuế đã không còn chức năng thanh tra, thanh tra chuyên ngành nên sẽ không còn thanh tra viên, trưởng đoàn thanh tra và người được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc cơ quan thuế có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực thuế, hóa đơn. Bãi bỏ do thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đã không còn chức danh Chánh thanh tra Sở Tài chính, Trưởng đoàn thanh tra Bộ Tài chính, Chánh thanh tra Bộ Tài chính.
K2Đ35	2. Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra trong thời hạn thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.	Bãi bỏ	Bãi bỏ do ngành thuế đã không còn chức năng thanh tra chuyên ngành nên không còn chức danh trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành thuộc cơ quan thuế có thẩm quyền xử phạt VPHC trong lĩnh vực thuế, hóa đơn.
bK2Đ36	b) Lập biên bản vi phạm hành chính điện tử Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế bằng phương thức điện tử thì chậm nhất một ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế điện tử hoặc thông báo chấp nhận hồ sơ khai	Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 36 như sau: b) Lập biên bản vi phạm hành chính điện tử Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, hồ sơ khai quyết toán thuế, chậm nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn bằng phương thức điện tử thì chậm nhất một ngày làm việc trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế	Theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 68/2025/NĐ-CP sửa đổi khoản 4 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP: 4. Thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính: a) Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính; b) Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi

thuế, quyết toán thuế điện tử, cơ quan thuế lập và gửi 01 biên bản vi phạm hành chính điện tử cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, kể cả trường hợp người nộp thuế nộp nhiều hồ sơ thuế. Biên bản vi phạm hành chính điện tử được lập và gửi đáp ứng yêu cầu về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế là cơ sở để cơ quan thuế ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính điện tử phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; chữ ký số của người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, mã số thuế, số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ, mã số thuế của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm thực hiện vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình. Biên bản vi phạm hành chính điện tử không bắt buộc phải có chữ ký của tổ chức, cá nhân vi phạm. Cơ quan thuế có trách nhiệm xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc lập và gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử. Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện lập, gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử đối với các hành vi vi phạm về thủ tục	điện tử hoặc thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử, cơ quan thuế lập và gửi 01 biên bản vi phạm hành chính điện tử cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, kể cả trường hợp người nộp thuế nộp nhiều hồ sơ thuế. Biên bản vi phạm hành chính điện tử được lập và gửi đáp ứng yêu cầu về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế là cơ sở để cơ quan thuế ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính điện tử phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; chữ ký số của người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, mã số thuế, số chứng minh nhân dân số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ, mã số thuế của tổ chức vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm thực hiện vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của người vi phạm; cơ quan tiếp nhận giải trình. Biên bản vi phạm hành chính điện tử không bắt buộc phải có chữ ký của tổ chức, cá nhân vi phạm. Cơ quan thuế có trách nhiệm xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc lập và gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử. Khi hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện lập, gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử đối với các hành vi vi phạm về thủ tục thuế, hóa đơn khác, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập và gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử.	phát hiện vi phạm hành chính; c) Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm; Do đó Cục Thuế sửa đổi thời hạn lập biên bản VPHC điện tử thành 03 ngày làm việc theo đúng quy định tại điểm a Khoản 4 nêu trên. Đồng thời Cục Thuế bổ sung thêm hành vi chậm nộp các thông báo, báo cáo về hóa đơn vào nhóm các hành vi có thể được phát hiện tự động thông qua hệ thống CNTT của ngành thuế và được lập Biên bản VPHC điện tử. Đồng thời, Cục Thuế sửa đổi số chứng minh nhân dân thành số căn cước công dân để đảm bảo thống nhất theo quy định tại Luật Căn cước 2023.
--	--	---

	thuế, hóa đơn khác, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập và gửi biên bản vi phạm hành chính điện tử.		
K1Đ37	1. Các trường hợp giải trình vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn a) Hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được phát hiện thông qua công tác thanh tra thuế, kiểm tra thuế hoặc các trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính điện tử; b) Hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 16, 17, 18; khoản 3 Điều 20; khoản 7 Điều 21; Điều 22 và Điều 28 Nghị định này.	Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 37 như sau: a) Hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức hoặc các trường hợp lập biên bản vi phạm hành chính điện tử; b) Hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 16, 17, 18 Nghị định này.	Cục Thuế sửa đổi quy định tại điểm a này để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật XLVPHC năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020): <i>Điều 61. Giải trình</i> <i>1. Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc quy định mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính để ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không yêu cầu giải trình.</i>
K2Đ41	2. Căn cứ xác định cá nhân chết, mất tích; tổ chức bị giải thể, phá sản: a) Giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc các giấy tờ thay cho giấy báo tử theo quy định của pháp luật về hộ tịch hoặc quyết định của tòa án tuyên bố một người là đã chết, mất tích (bản chính hoặc bản sao theo quy định) đối với trường hợp cá nhân chết, mất tích; b) Thông báo về việc doanh nghiệp,	Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 41 như sau: a) Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc quyết định của tòa án tuyên bố một người là đã chết, mất tích (bản chính hoặc bản sao theo quy định) đối với trường hợp cá nhân chết, mất tích;	Cục Thuế sửa đổi nội dung để phù hợp với yêu cầu cắt giảm thủ tục xử phạt theo Nghị quyết của Chính phủ. Đồng thời để phù hợp với quy định hiện nay về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đã tích hợp nội dung về chứng tử, báo tử.

	hợp tác xã giải thể của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị giải thể; thông báo chấm dứt mã số thuế của cơ quan thuế đối với trường hợp tổ chức bị giải thể không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã (bản chính hoặc bản sao theo quy định); c) Quyết định tuyên bố phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản (bản chính hoặc bản sao theo quy định).		
		Thay thế cụm từ “thanh tra thuế” bằng cụm từ “thanh tra” tại tên Điều 15, điểm d khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 29 của Nghị định 125/2020/NĐ-CP.	Do thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy nên ngành thuế đã không còn thực hiện chức năng thanh tra thuế.
	Mẫu biểu tại Nghị định 125/2020/NĐ-CP		Sau khi Nghị định số 118/2021/NĐ-CP được ban hành quy định các mẫu biểu dùng trong công tác xử phạt VPHC thì ngành thuế đã áp dụng các mẫu biểu theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Riêng mẫu Biên bản vi phạm hành chính điện tử (BB1A – ban hành kèm theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP) áp dụng riêng trong lĩnh vực thuế thì tiếp tục được sử dụng. Do đó, Cục Thuế sẽ tiếp tục hướng dẫn cơ quan thuế sử dụng các mẫu biểu ban hành theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP và Nghị định số 68/2025/NĐ-CP sửa đổi một số mẫu biểu tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Riêng mẫu Biên bản vi phạm hành chính điện tử thì tiếp tục sử dụng mẫu BB1A – ban hành kèm theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.
	Bổ sung nội dung chuyển tiếp tại Điều	1. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về	Do dự thảo Nghị định có quy định một số

	3 dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 125/2020/NĐ-CP	thuế, hóa đơn đã kết thúc trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm đó. 2. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng hành vi vi phạm đó kết thúc kể từ khi Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm đó. 3. Đối với các hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đã bị xử phạt trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức còn khiếu nại, khởi kiện thì được giải quyết theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn và các quy định pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.	trường hợp loại trừ khi xử phạt vi phạm hành chính về thủ tục thuế, hóa đơn tại khoản 3 Điều 5, sửa đổi, bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn điện tử nên cần thiết phải quy định điều khoản chuyển tiếp để các cơ quan thuế có cơ sở xác định văn bản QPPL áp dụng khi xem xét xử lý hành vi VPHC của người nộp thuế trong các trường hợp cụ thể.
--	--	--	---